TÒA ÁN NHÂN DÂN **Thành phố T** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 2397/2023/HNST–HNGĐ	*Thành phố T, ngày 14 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN Thành phố T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cư Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1296/2023/HNST ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Đàm Thị N, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ

2/ Ông Phan Văn N, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số 111A đường B, khu phố B, phường B, Thành phố T, Thành phố H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đàm Thị N và ông Phan Văn N đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 114/01/2017 do Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đ cấp ngày 10/11/2017.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06/7/2023 bà Đàm Thị N và ông Phan Văn N đã thống nhất như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đàm Thị N và ông Phan Văn N thuận tình

ly hôn.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Đàm Phan Gia K sinh ngày 30/9/2017.

Bà Đàm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Đàm Phan Gia Ksinh ngày 30/9/2017, ông Phan Văn N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu đồng). Thực hiện cho đến khi người con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bà Đàm Thị N có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng, nếu ông Phan Văn N chưa thi hành, thì hàng tháng ông Phan Văn N còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Nợ chung: Hai bên xác định không có.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06/7/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Đàm Thị N và ông Phan Văn N thuận tình ly hôn

1.2 Về con chung: Có 01 người con chung tên Đàm Phan Gia K sinh ngày 30/9/2017.

Bà Đàm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Đàm Phan Gia K sinh ngày 30/9/2017, ông Phan Văn N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu đồng). Thực hiện cho đến khi người con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bà Đàm Thị N có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng, nếu ông Phan Văn N chưa thi hành, thì hàng tháng ông Phan Văn N còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 35, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực

tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3 Về tài sản chung: Bà Đàm Thị N và ông Phan Văn N xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Bà Đàm Thị N và ông Phan Văn N xác định không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Đàm Thị N và ông Phan Văn N tự nguyện chịu, nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng bà Đàm Thị N và ông Phan Văn N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2023/0003583 ngày 30/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố T. Bà Đàm Thị N và ông Phan Văn N đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố T;
- Chi cục THA DS Thành phố T;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ánh Nguyệt